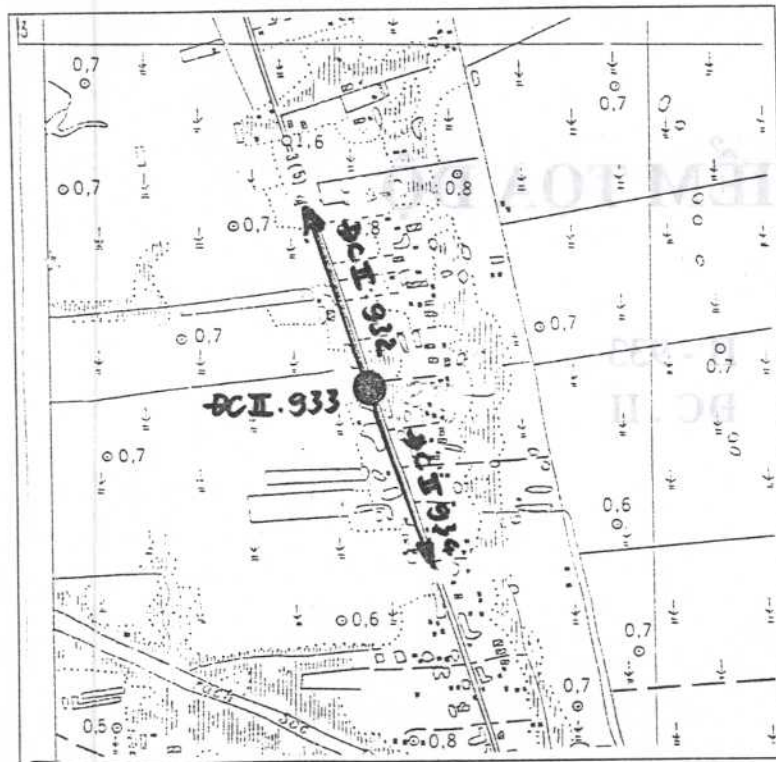


GHỊ CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

Tên điểm : Số hiệu : II - 933 Mảnh bản đồ : C - 48 - 81 - B
 Phương pháp đo : Đường chuyền Cấp, hạng : ĐC . II
 Trị giá khái lược : Độ cao : 1 m Kinh độ : 106° 20' 2
 Loại đất : Đất tư Chất đất : Thệt Vĩ độ : 9° 57' 9
 Nơi đặt mốc : Ấp Sa Bình Xã : Long Đức
 Thị xã : Trà Vinh Tỉnh : Trà Vinh
 Nơi ở gần nhất : Nhà ông Võ Văn Trung Khoảng cách tới điểm : 10 m
 Người chọn : Đỗ Phi Hạnh Đơn vị chọn : XN Trắc địa 301-XNLH Trắc địa Bản đồ số 3
 Ngày 15 tháng 11 năm 1995

Bản đồ địa hình khu vực điểm và sơ đồ hướng



Tỷ lệ : 1/10.000

Số liệu đo mốc (mm)

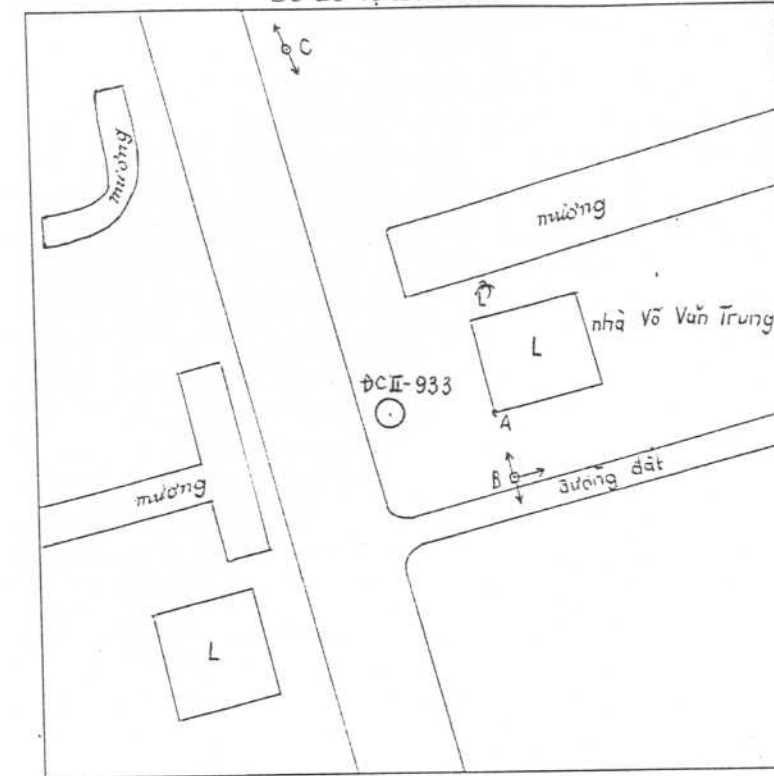
Từ ván dọi điểm đến :	Lần 1	Lần 2	TB	Chiều cao các tầng mốc
Đáy hố				
Trung tâm mốc dưới				
Trung tâm mốc giữa				
Trung tâm mốc trên				
Mặt đất				
Mặt tường vôi hoặc mặt đất sau khi đắp				

Điểm thông hướng
 (Tên, số hiệu, cấp hạng
 điểm liên quan mà từ mặt
 đất điểm trạm đo thông suốt
 tới điểm liên quan)

Điểm :
 ĐCII - 932
 ĐCII - 934

Họ, tên, địa chỉ người
 dẫn đường :
 Ông Nguyễn Văn Trung nông dân
 Ấp : Sa Bình
 Xã : Long Đức
 Thị Xã : Trà Vinh
 Tỉnh : Trà Vinh

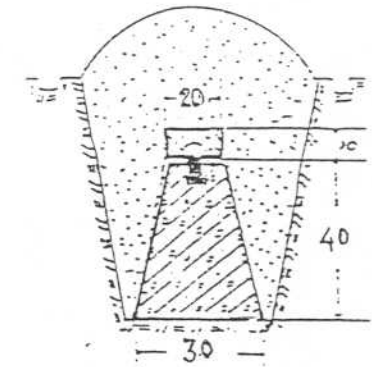
Sơ đồ vị trí điểm



Tỷ lệ : 1/500

Đơn vị chôn mốc :
 XN Trắc địa 301

Người chôn mốc :
 Trần Văn Thuật
 Loại mốc : Mốc chôn một tầng
 Ngày 16 tháng 11 năm 1995
 Hình vẽ mặt cắt mốc
 (Đơn vị cm)



V/v	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn (m)
A	Góc nhà	Hướng Đông 6.7 m
B	Cột điện hạ thế	Hướng Đông Nam 9.0 m
C	Cột điện trung thế số 17	Hướng Tây Bắc 24.7 m

Điểm này : Tận dụng mốc cũ, gia cố, chôn trùng mốc
 Tên điểm : Số hiệu :
 Điểm này đo nổi độ cao bằng : Đo cao hình học Cấp, hạng :
 Đường đi đến điểm : (Đường ô tô, sắt, thủy, số Km) : Cấp, hạng : Kỹ thuật
 Từ Thị xã Trà Vinh đi xe ô tô đến chợ Sóc ruộng xã Long Đức rồi đi tiếp khoảng 600 m hỏi đến nhà ông
 Văn Trung là đến điểm .

Cơ quan gia cố mốc, tường vôi, lập ghi chú điểm :
 Ngày 17 tháng 12 năm 1995
 Người làm ghi chú điểm
 Trần Văn Thuật

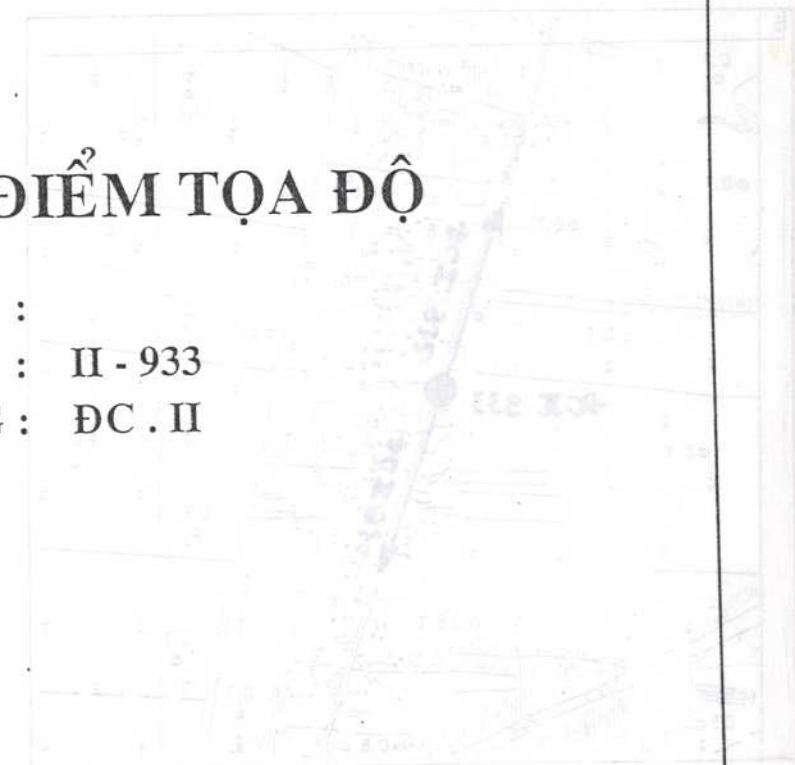
Ngày 25 tháng 12 năm 1995
 Người kiểm tra
 Dương Văn Thịnh

TỔNG CỤC ĐỊA CHÍNH

Tên điểm :
 Phương pháp đo :
 Thời gian đo :
 Địa điểm :
 Ngày đo :
 Người đo :
 Đơn vị đo :
 Khoảng cách tới điểm :
 Tỉnh :
 Xã :
 Thôn :
 Ngày 15 tháng 11 năm 1995

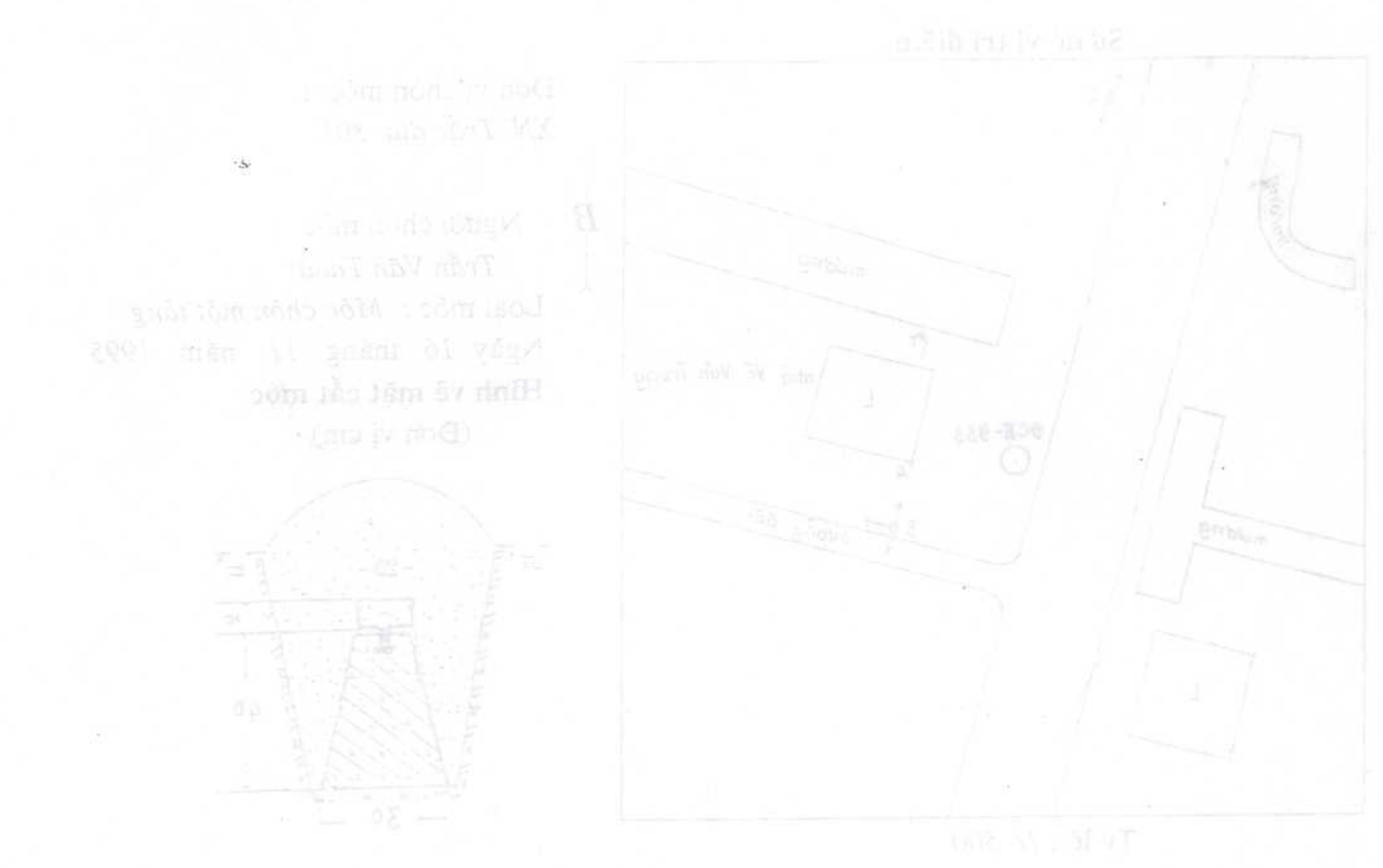
GHI CHÚ ĐIỂM TỌA ĐỘ

TÊN ĐIỂM :
 SỐ HIỆU : II - 933
 CẤP, HẠNG : ĐC . II



Tên điểm	Điểm	Loại	Đơn vị	Ngày	Người

NĂM 1995



VV	Tên vật chuẩn	Hướng và khoảng cách từ mốc đến vật chuẩn (m)
A	Cột mốc	Hướng Đông 7m
B	Cột mốc	Hướng Tây Nam 5m
C	Cột mốc	Hướng Tây Bắc 24.7m

Bên này tên chung là II-933, địa điểm chính xác
 Tên điểm :
 Số hiệu :
 Cấp, hạng :
 Cấp, hạng :
 Ngày 15 tháng 11 năm 1995
 Người kiểm tra :
 Người lập bản đồ :
 Ngày 15 tháng 11 năm 1995
 Người lập bản đồ :
 Ngày 15 tháng 11 năm 1995
 Người lập bản đồ :
 Ngày 15 tháng 11 năm 1995
 Người lập bản đồ :